

**BIỂU QUY ĐỊNH**

**Mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-UBND  
ngày 18/9/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

<b>Số TT</b>	<b>Loại tài liệu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức thu</b> (bao gồm chi phí bản in giấy, đĩa CD)
<b>I</b>	<b>Toạ độ - độ cao</b>		
1	Điểm toạ độ (X;Y)		
	Hạng III; IV (Địa chính cơ sở)	Đồng/điểm	120.000
	Địa chính cấp I	Đồng/điểm	110.000
	Địa chính cấp II	Đồng/điểm	100.000
2	Giá trị độ cao (H)		
	Hạng I	Đồng/điểm	150.000
	Hạng II	Đồng/điểm	120.000
	Hạng III	Đồng/điểm	80.000
	Hạng IV (độ cao lượng giác)	Đồng/điểm	50.000
3	Ghi chú điểm (Sơ đồ, toạ độ hoặc độ cao)		30.000
<b>II</b>	<b>Bản đồ địa hình nền khổ 80x80 xuất bản trước năm 2000</b>		
1	Bản đồ mộc gốc màu	Đồng/tờ	70.000
2	Bản đồ mộc gốc trắng đen	Đồng/tờ	50.000
3	Bản đồ mộc photocopy	Đồng/tờ	30.000
<b>III</b>	<b>Bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, bản đồ chuyên đề (bản đồ đất, bản đồ đánh giá đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch, kế hoạch về tài nguyên và môi trường...) dạng số in trên giấy A0</b>		
1	Bản in màu	Đồng/tờ	150.000
2	Bản in trắng đen	Đồng/tờ	50.000
<b>IV</b>	<b>Bản đồ địa hình dạng số ghi trên</b>		
1	đĩa CD (tài liệu đã công bố)	Đồng/mảnh	50.000
2	Tỷ lệ 1/5000, 1/10000	Đồng/mảnh	60.000
3	Tỷ lệ 1/25000	Đồng/mảnh	70.000
<b>V</b>	<b>Tỷ lệ 1/50000 - 1/100000</b>		
	Bản đồ địa chính dạng số ghi trên đĩa CD (tài liệu đã công bố)	Đồng/mảnh	